

Bản án số: **53/2022/HS-ST**  
Ngày: 03/6/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Lê Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Quốc Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T;** giới tính: Nam; sinh năm 1967 tại Hậu Giang; nơi cư trú: Hẻm A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Lê Thị H (chết); Vợ là Thái Ngọc H1, con là Nguyễn Ngọc H2.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Số E, Đường F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thái Ngọc H1, sinh năm 1963;
- Bà Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1992.

Cùng nơi cư trú: Đường I, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T thuê nhà ở trọ tại số Số E, Đường F, Phường G, Quận H của bà Dương Thị H3 để ở. Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2010, T về nhà trọ, khi đi ngang phòng của Nguyễn Thị Trúc L (là con của bà H3) nhìn thấy chiếc bóp của bà L trên bàn gần cửa ra vào, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào lén lút mở bóp chiếm đoạt số tiền là 400.000 đồng, 01 chiếc vòng đeo tay của nữ bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ; 01 nhẫn cà rá nữ bằng vàng 24K, trọng lượng 0,7 chỉ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T đến tiệm vàng “HL” Quận H, bán vòng đeo tay, nhẫn cà rá cho Nguyễn Thị Dạ T1 (là chủ tiệm vàng HL) được số tiền là 7.400.000 đồng. T dùng số tiền này mua lại 01 nhẫn có hột đá màu đỏ bằng vàng 18K, trọng lượng 1,714 chỉ với giá trị là 1.695.000 đồng và 01 nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 0,5 chỉ với giá trị là 1.211.000 đồng. Sau đó, T cho vợ là Thái Ngọc H1 01 nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 0,5 chỉ và số tiền là 600.00 đồng. T cho con là Nguyễn Ngọc H2 số tiền là 600.000 đồng. Chiếc nhẫn có hột đá màu đỏ bằng vàng 18K T đeo tay và số tiền còn lại T tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản, bị hại là bà Nguyễn Thị Trúc L đã đến Công an Phường 1, Quận 4 trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 132/TCKH - HNGĐ ngày 20/04/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 4 kết luận:

- 01 vòng đeo tay nữ bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ, có giá trị là 7.200.000 đồng.

- 01 nhẫn cà rá nữ bằng vàng 24K, trọng lượng 0,7 chỉ, có giá trị là 1.885.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, T giao nộp số tiền là 1.700.000 đồng, 01 nhẫn có hột đá màu đỏ bằng vàng 18K, trọng lượng 1,714 chỉ. Ngoài ra, vợ của T là Thái Ngọc H1, con của T là Nguyễn Ngọc H2 không biết vàng, tiền T cho là do T phạm tội mà có. Bà Hà tự nguyện giao nộp 01 nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 0.5 chỉ và số tiền là 5.600.000 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 để trả lại và bồi thường cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 4, bị hại là bà Nguyễn Thị Trúc L (có bà Dương Thị H3 đại diện theo ủy quyền) đã nhận được bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Ngày 29/4/2011, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 4, đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn T. Do T bỏ trốn không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 ra Quyết định truy nã.

Ngày 03/01/2018, Nguyễn Văn T đến Công an Phường 1, Quận 4 đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với chiếc vòng đeo tay của nữ bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ và 01 nhẫn cà rá nữ bằng vàng 24K, trọng lượng 0,7 chỉ mà T đã bán cho tiệm vàng “HL” và số tiền là 400.000 đồng, Cơ quan điều tra không thu hồi được do T đã tiêu xài hết và tiệm vàng đã chế tạo thành nhẫn mới.

Vật chứng hiện đang tạm giữ: Không có.

Tại Bản cáo trạng số 26/Ctr-VKS ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa,*

Bị cáo Nguyễn Văn T có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị mức phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Trúc L (có bà Dương Thị H3 đại diện theo ủy quyền) đã nhận được bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2010, tại nhà trọ số Số E, Đường F, Phường G, Quận H, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền là 400.000 đồng, 01 chiếc vòng đeo tay của nữ bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ; có giá trị là 7.200.000 đồng; 01 nhẫn cà rá nữ bằng vàng 24K, trọng lượng 0,7 chỉ, có giá trị là 1.885.000 đồng, tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Trúc L là 9.085.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, tại thời điểm truy tố, xét xử, Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, theo đó, tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên khi lượng hình cần áp dụng các điểm s, điểm b và điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Trúc L (có bà Dương Thị H3 đại diện theo ủy quyền) đã nhận được bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s và điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- CA TP.HCM (PC 53); (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- THADS Quận 4; (1)
- THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Trần Hồng Loan**